

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
thành phố Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/DS-PT

Ngày 18/02/2025

V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN thành phố Đà Nẵng

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Bà Mai Vương Thảo

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Nguyễn Văn Hưng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2024/DSPT ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 284/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 345/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm số 15A/TB-TA ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 33/TB-TA ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc C - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: 377/51 đường M, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Bà Lê Thị Như Q - Sinh năm 1992 và ông Lê Vũ Anh V - Sinh năm 1988 - Cùng địa chỉ: K99/10 đường T, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Bà Lê Thị Như Q ủy quyền cho ông Lê Vũ Anh V tham gia tố tụng tại phiên tòa. (Theo Giấy ủy quyền ngày 17/02/2025 tại Văn phòng Công chứng Trần Văn Hùng). (Ông V có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị Thanh M - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: 377/51 đường M, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2. Ông Trần Quốc T - Sinh năm 1992 - Địa chỉ: 377/51 đường M, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị Như Q và ông Lê Vũ Anh V, là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Mộng T trình bày:*

Nguyên trước đây ông Trần Quốc C và bà Đặng Thanh M có kinh doanh mặt hàng quần áo thời trang online và có quen biết với bà Lê Thị Như Q nên bắt đầu vào năm 2015 bà Q có mua hàng của ông C về bán lại. Hình thức mua bán là ông C gửi hàng hoá cho bà Q bằng đường ô tô (Dịch vụ vận chuyển hàng hoá) kèm theo hoá đơn mà ông C và bà Q thống nhất với nhau qua tin nhắn đặt hàng hoặc điện thoại. Khi có hàng nguyên đơn giao hàng kèm hóa đơn gửi trong bao hàng và gửi qua zalo cho bị đơn. Khi nhận được hàng thì bà Q kiểm tra và chuyển trả tiền qua tài khoản cho ông C, thông thường là chuyển tiền bằng tài khoản của chồng bà Q là ông Lê Vũ Anh V đến số tài khoản của em ruột ông C là ông Trần Quốc T vì thời điểm này ông C chưa có tài khoản Ngân hàng đăng ký online. Thời gian đầu, việc kinh doanh giữa hai bên đều rõ ràng và thuận lợi, bà Q không nợ gì ông C, cho đến năm 2022 thì bà Q vẫn lấy hàng của ông C nhưng cuối năm tổng kết qua tin nhắn bà Q xác nhận là còn nợ lại ông C số tiền là 986.735.000 đồng, lý do bà Q nói có một số bạn hàng còn nợ bà chưa thanh toán. (Việc bà Q xác nhận nợ qua tin nhắn đã được lập vi bằng nợ tồn của năm 2022 là 986.735.000 đồng).

Đến năm 2023, ông C vẫn đồng ý tiếp tục giao hàng cho bà Q. Tổng số hàng hoá trong năm 2023 ông C giao bán cho bà Q là 2.477.000.000 đồng và bà Q đã thanh toán cho ông C được 1.829.000.000 đồng. Trong đó, chuyển khoản qua ngân hàng theo số tài khoản là 1.705.100.000 đồng, thu hộ tiền mặt là 124.899.000 đồng. bà Q còn nợ lại ông C số tiền là 648.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ cũ của năm 2022 và nợ mới năm 2023 thì hiện nay bà Q còn nợ ông C là 1.634.298.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm ba mươi bốn triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*). Được thể hiện qua tin nhắn hoá đơn giao hàng ông C có liệt kê rõ ràng là nợ cũ và nợ mới gửi qua tin nhắn điện thoại cho bà Q (Đã được lập vi bằng, sao kê tài khoản ngân hàng). Sau đó, bà Q không lấy hàng cũng như không thanh toán số nợ trên cho ông C nữa. ông C nhắc nhở bà Q rất nhiều lần nhưng bà Q lẩn tránh, tắt điện thoại

của ông C. Việc mua bán trao đổi qua điện thoại thì ông C và bà Q thống nhất việc giao gói hàng hoá, nhưng khi thanh toán ông Lê Vũ Anh V là người thường xuyên trực tiếp chuyển khoản tiền hàng bằng số tài khoản ngân hàng của Ông V nên việc kinh doanh này Ông V vẫn biết.

Qua tiến hành đối chiếu các phiếu theo dõi nhập hàng của bị đơn cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn nhận thấy số liệu không khớp với những hóa đơn mà nguyên đơn gửi cho bị đơn, cụ thể:

- Bị đơn không kê khai 111 đơn hàng với tổng số tiền là 382.132.000 đồng (có bảng kê các hóa đơn kèm theo).

- Số tiền theo hóa đơn nguyên đơn cung cấp có tổng số tiền là 2.095.395.000 đồng, nhưng số tiền theo hóa đơn do bị đơn cung cấp chỉ thể hiện là 940.091.000 đồng. Do đó, bị đơn đã không kê khai số tiền là 1.155.304.000 đồng (gồm 61 hóa đơn, có bảng kê từng hóa đơn kèm theo).

- Về phần 11 bao hàng tồn: Sau khi nhận hàng để bán, thì cuối năm bị đơn có gửi vào cho nguyên đơn 11 bao quần áo yêu cầu trả lại và buộc nguyên đơn phải thanh toán lại cho bị đơn theo giá của nguyên đơn đã bán nhưng nguyên đơn không đồng ý, vì là hàng hoá thời trang nếu quá thời gian, thời trang đó bị lỗi thời, thì không còn bán được như giá ban đầu, và các số size không còn đầy đủ, nên nguyên đơn không đồng ý lấy lại và trao đổi với bị đơn là nguyên đơn sẽ đem ra bán với giá sale đồng giá 50.000 đồng/món đồ. Tổng cộng số tiền 11 bao hàng tương ứng là 48.000.000 đồng, nhưng bị đơn không đồng ý thì sau đó nguyên đơn có liên hệ giao trả lại 11 bao hàng cho bị đơn nhưng bị đơn không nhận. Hiện nay 11 bao hàng này nguyên đơn vẫn giữ. Bị đơn cho rằng giá trị của 11 bao hàng này là 157.000.000 đồng thì ông C không đồng ý.

Đối với số tiền 124.899.000 đồng bà Q có thanh toán cho ông C trừ vào tiền hàng là đúng, nhưng không phải thanh toán bằng tiền mặt mà bằng các hình thức sau:

- Bán hàng sale cho bà Q là 72.985.000 đồng (được ông C trừ vào công nợ ngày 21/01/2024 bà Q đã xem và không có ý kiến phản hồi).

- Bán hàng bị lỗi bà Q gửi vào là 34.610.000 đồng (ông C đã thanh toán cho bà Q làm 3 lần: lần thứ nhất là 9.680.000 đồng (đã trừ vào công nợ ngày 12/6/2023); lần thứ 2 là 9.765.000 đồng (đã trừ vào công nợ ngày 20/7/2023); lần thứ 3 là: 15.165.000 đồng (đã trừ vào công nợ ngày 19/9/2023).

Tất cả những lần thanh toán ông C trừ vào công nợ đều nhắn tin cho bà Q bằng zalo rất rõ ràng, bà Q đọc và không có ý kiến gì. Còn lại 17.304.000 đồng là tiền mặt bà Q nhờ ông C thu hộ khi bà Q bán online cho những đơn hàng ở thành phố H sau khi thu được ông C đã trừ tất cả vào công nợ và báo cho bà Q biết bằng tin nhắn zalo.

Như vậy, các bảng kê theo dõi nhập hàng của bị đơn cung cấp cho toà án là hoàn toàn không chính xác. ông C xác định bà Q hiện nay vẫn còn nợ số tiền là 1.634.298.000 đồng.

Đối với số tiền 40.892.000 đồng mà bà Q khai gửi hàng vào cho nguyên đơn bán vì hết mẫu đã nằm trong khoản thu hộ tiền mặt là 124.899.000 đồng nên nguyên đơn không nợ bị đơn số tiền như bị đơn trình bày.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn về việc trong quá trình trao đổi mua bán hàng hóa nguyên đơn đã nhiều lần gửi sai mẫu mã, gửi dư số lượng sản phẩm bị đơn đã để lại trong kho hàng và theo thông lệ là cuối mỗi năm sẽ đóng hàng gửi vào lại cho nguyên đơn là không đúng vì khi trả lại hàng thì tính giá sale chứ không phải tự ý để lại trong kho hàng, cuối năm gửi vào lại và trừ tiền hàng theo nguyên giá. Mỗi lần giao hàng, nguyên đơn đều gửi kèm hóa đơn, nếu có xảy ra sai sót thì bị đơn phải phản hồi ngay cho nguyên đơn. Những hóa đơn nguyên đơn yêu cầu trong vụ án này đều là những hóa đơn bị đơn không có phản hồi. Do vậy, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Lê Thị Như Q và ông Lê Vũ Anh V thanh toán cho ông C số tiền nợ là 1.634.298.000đ (*Một tỷ sáu trăm ba mươi bốn triệu hai trăm chín mươi tám ngàn đồng*). ông C không yêu cầu tính lãi. Riêng đối với 11 bao hàng lỗi nguyên đơn vẫn giữ, nếu bị đơn đồng ý thì nguyên đơn sẽ nhận lại và tính theo giá sale tương ứng số tiền là 48.000.000 đồng.

** Nguyên đơn - ông Trần Quốc C thống nhất lời trình bày của bà Trần Thị Mộng T và không có ý kiến bổ sung gì thêm.*

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Trần Thị Thùy D trình bày:*

Ông V bà Q thống nhất về khoảng thời gian quen biết và có làm ăn chung với nhau như lời trình bày của nguyên đơn. Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến hết năm 2021 việc mua bán giữa hai bên đã thanh toán xong và không còn nợ nần gì nhau. Năm 2022 hai bên tiếp tục công việc làm ăn và đến ngày 30/01/2023 hai bên thống nhất chốt nợ Ông V bà Q còn nợ nguyên đơn số tiền là: 986.735.000 đồng.

Kể từ sau ngày chốt nợ đến ngày 30/01/2024 Ông V bà Q vẫn tiếp tục việc làm ăn nhưng việc đặt hàng ít dần do tình hình buôn bán ế ẩm. Về phương thức đặt hàng và giao nhận hàng giữa các bên: Các bên thỏa thuận nguyên đơn chào mẫu, bị đơn đặt hàng qua tin nhắn zalo, khoảng 07 ngày sau nguyên đơn sẽ gửi hàng. Nhưng thực tế khi nguyên đơn chào mẫu, bị đơn đặt hàng qua tin nhắn zalo, nhưng khoảng 20-30 ngày, đôi khi 2-3 tháng sau nguyên đơn mới gửi hàng, khi gửi nguyên đơn không gửi theo thứ tự đặt hàng mà gửi hàng lộn xộn, bị đơn sẽ tiến hành đối chiếu hàng thực tế nhận và hàng bị đơn đã đặt. Đối với hàng gửi không đúng (không đúng mẫu, không đúng thời gian

thỏa thuận, thừa) thì bị đơn để dồn lại cuối năm sẽ giải quyết với nguyên đơn. Hiện nay số hàng gửi dư còn trong kho của bị đơn; một số đã gửi trả theo yêu cầu của nguyên đơn (11 bao).

Mỗi lần đặt hàng hai bên trao đổi thông tin, chào hàng và chọn mẫu trên ứng dụng zalo, khi nhận hàng bị đơn đều nhập vào file dữ liệu theo dõi hàng ngày.

Căn cứ vào Bảng theo dõi hàng hóa mà bị đơn đã cung cấp cho Tòa án thì tổng số tiền hàng năm 2023 là 1.040.990.000 đồng, không phải số tiền 2.477.000.000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, trong tổng số hàng năm 2023, có 11 bao hàng trị giá 157.334.000 đồng bị đơn đã thanh toán tiền nhưng kiểm tra lại thì phát hiện hàng lỗi và sai sản phẩm. Số hàng trên bị đơn đã gửi trả cho nguyên đơn nhưng vẫn chưa được hoàn trả lại tiền. Ngoài ra, trong quá trình hợp tác làm ăn nguyên đơn còn yêu cầu Ông V bà Q nhiều lần gửi hàng lại để chào hàng và bán vì kho hàng của nguyên đơn hết mẫu có tổng trị giá 40.892.000 đồng. Số tiền trên cũng đã được bị đơn thanh toán nhưng đến nay nguyên đơn vẫn chưa hoàn trả tiền. Như vậy, tổng số tiền hàng nguyên đơn chưa hoàn trả lại tiền là 198.226.000 đồng sẽ trừ vào tiền hàng năm 2023. Vậy, số tiền hàng năm 2023 Ông V bà Q phải trả cho nguyên đơn là: 1.040.890.000 đồng - 198.226.000 đồng = 842.664.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt nợ đến ngày 22/01/2024 vợ chồng Ông V bà Q đã trả cho bên nguyên đơn tổng số tiền là: 1.829.499.000 đồng. Trong đó có số tiền 986.735.000 đồng trả nợ năm 2022 và số tiền 842.664.000 đồng là trả tiền hàng năm 2023 nên Ông V bà Q đã thanh toán hết tiền cho phía nguyên đơn và không còn nợ nần gì nhau.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Q và Ông V cùng cho rằng số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn kể từ sau ngày chốt nợ 30/01/2023 như sau:

- Căn cứ vào các sao kê Ngân hàng mà bị đơn, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án và Biên bản hòa giải ngày 01/7/2024, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày năm 2023, bà Q đã thanh toán cho ông C số tiền 1.829.000.000 đồng.

- Căn cứ vào những đoạn tin nhắn trên ứng dụng zalo về nội dung bà M (vợ của nguyên đơn) yêu cầu bà Q gửi mẫu vào cho bà M (có bảng thống kê danh sách sản phẩm, số lượng và đơn giá kèm theo). Tổng số tiền hàng bị đơn chuyển vào lại cho nguyên đơn là 40.892.000 đồng.

- 11 bao hàng bị đơn đã thanh toán nhưng phải gửi trả cho nguyên đơn với lý do hàng gửi sai mẫu mã, số lượng. Giá trị 11 bao hàng nguyên đơn cũng thừa nhận tại Bản tự khai ngày 08/7/2024 vì là hàng tồn nên tính giá sale đồng giá 50.000 đồng/ sản phẩm là 48.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn đã thanh toán sau khi chốt nợ năm 2022 đến ngày 24/01/2024 là: 1.917.892.000 đồng.

Số tiền hàng bị đơn còn nợ nguyên đơn là: 2.027.725.000 đồng - 1.917.892.000 đồng = 109.833.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình trao đổi mua bán hàng hóa nguyên đơn đã nhiều lần gửi sai mẫu mã, gửi dư số lượng sản phẩm bị đơn đã để lại trong kho hàng và theo thông lệ là cuối mỗi năm sẽ đóng hàng gửi vào lại cho nguyên đơn. Hiện tại tổng lượng hàng tồn trong kho bị đơn là 2.987 sản phẩm. Số hàng trên nguyên đơn không nhận lại nên bị đơn sẽ giữ để tiếp tục bán lỗ vốn với giá sale 50.000 đồng/sản phẩm (giá này đã được nguyên đơn áp dụng cho 11 bao hàng tồn bị đơn gửi vào cho nguyên đơn). Số tiền hàng tồn kho là: 2.987 sản phẩm x 50.000 đồng/sản phẩm = 149.350.000 đồng.

Vậy xác định bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền là: 109.833.000 đồng + 149.350.000 đồng = 259.183.000 đồng.

Do đó đề nghị HĐXX xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.634.298.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm ba mươi tư triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*). Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 259.183.000 đồng (*Hai trăm năm chín triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

* Bị đơn - ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q thống nhất với trình bày của bà Trần Thị Thùy D và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

* Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T trình bày:

Ông Trần Quốc T là chủ sở hữu số tài khoản 0071000749215 mở tại Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank). Trước đây ông T đã đồng ý cho ông Trần Quốc C là anh sử dụng số tài khoản nêu trên trong giao dịch mua bán với ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q. Vì tại thời điểm đó ông Trần Quốc C chưa mở tài khoản ngân hàng.

* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thanh M – bà Trần Thị Mộng T thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn và không có ý kiến gì.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Quốc C đối với bị đơn là ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q.

Buộc ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q phải trả cho ông Trần Quốc C số tiền 1.586.298.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 59.588.940 đồng (*Năm mươi chín triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi đồng*).

Hoàn trả lại cho ông Trần Quốc C số tiền 30.514.470 đồng (*Ba mươi triệu, năm trăm mười bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng*) tạm ứng án phí DS-ST đã nộp theo biên lai thu số 0001157 ngày 14 tháng 05 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Quốc C.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Quốc C và ông Lê Vũ Anh V thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q phải trả cho ông Trần Quốc C số tiền mua bán hàng hóa là 1.000.000.000 đồng với phương thức thanh toán như sau:

- Ngày 15 tháng 3 năm 2025 trả 500.000.000 đồng;

- Ngày 15 tháng 4 năm 2025 trả 500.000.000 đồng.

Trong trường hợp ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì ông Trần Quốc C có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q còn phải thanh toán.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Quốc C và bà Đặng Thanh M có kinh doanh mặt hàng quần áo thời trang online và có quen biết với bà Lê Thị Như Q nên bắt đầu vào năm 2015 bà Q có mua hàng của ông C về bán lại. Hình thức mua bán là ông C gửi hàng hoá cho bà Q bằng đường ô tô (Dịch vụ vận chuyển hàng hoá) kèm theo hoá đơn mà ông C và bà Q thống nhất với nhau qua tin nhắn đặt hàng hoặc điện thoại. Khi có hàng ông C giao hàng kèm hóa đơn gửi trong bao hàng và gửi qua zalo cho bà Q. Khi nhận được hàng thì bà Q kiểm tra và chuyển trả tiền qua tài khoản cho ông C, thông thường là chuyển tiền bằng tài khoản của chồng bà Q là ông Lê Vũ Anh V đến số tài khoản của em ruột ông C là ông Trần Quốc T vì thời điểm này ông C chưa có tài khoản Ngân hàng đăng ký online.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận mua bán các bên đương sự xảy ra tranh chấp nên ngày 08/4/2024 ông Trần Quốc C khởi kiện đối với ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q.

[2] Tại bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc C. Do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q đã kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Quốc C và ông Lê Vũ Anh V thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q phải trả cho ông Trần Quốc C số tiền mua bán hàng hóa là 1.000.000.000 đồng với phương thức thanh toán như sau:

- Ngày 15 tháng 3 năm 2025 trả 500.000.000 đồng;
- Ngày 15 tháng 4 năm 2025 trả 500.000.000 đồng.

Trong trường hợp ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì ông Trần Quốc C có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q còn phải thanh toán.

Xét thấy: Sự thỏa thuận của ông Trần Quốc C và ông Lê Vũ Anh V là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật; không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm

và công nhận sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

Do các đương sự tự nguyện thỏa thuận giải quyết vụ án nên HĐXX không xem xét đến kháng cáo của ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 280 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Quốc C với ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q phải trả cho ông Trần Quốc C số tiền mua bán hàng hóa là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) với phương thức thanh toán như sau:

- Ngày 15 tháng 3 năm 2025 trả 500.000.000 đồng;
- Ngày 15 tháng 4 năm 2025 trả 500.000.000 đồng.

Trong trường hợp ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì ông Trần Quốc C có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q còn phải thanh toán.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q phải chịu là 42.000.000 đồng.

+ Ông Trần Quốc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Quốc C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.514.470 đồng theo biên lai thu số 0001157 ngày 14/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí án phí phúc thẩm ông Lê Vũ Anh V và bà Lê Thị Như Q đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001436 ngày 08/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Vũ Việt Dũng